

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 80/2024/HSST
Ngày: 26-02-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan

Ông Trần Văn Chánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2024/HSST ngày 05/01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HS ngày 01/02/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn L**; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không;

Sinh năm 1975, tại tỉnh Đồng Nai;

Nơi cư trú: **K, khu phố A, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.**

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 01/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Chức vụ: Không; Con ông: **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1951 (còn sống) và bà **Trần Thị D**, sinh năm 1957 (đã chết);

Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất;

Họ và tên vợ: **Trần Ngọc S**, sinh năm 1976;

Bị cáo có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2009;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Ngày 08/4/2002, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 (tám) tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”, theo bản án số 87/HSST. Bị can chấp hành xong bản án ngày 24/8/2002;

+ Ngày 14/8/2006, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Hiếp dâm”, theo Bản án số 505/2006/HSST. Bị can chấp hành xong bản án ngày 06/06/2008;

+ Ngày 07/8/2023 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở xã hội Thanh thiếu niên B1.

Bị cáo bị bắt truy nã ngày 11/9/2023, sau đó chuyển tạm giam theo lệnh tạm giam số 1489 ngày 13/9/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện tại bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B.

- **Bị hại:** Công ty Cổ phần M1.

Địa chỉ: Số A, đường H, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Quách Ngọc B – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hải C, sinh năm 1973 – Phó Trưởng phòng – Phòng kỹ thuật kinh doanh – Xí nghiệp D1.

(Văn bản ủy quyền số 102/UQ-SZE-NSHC ngày 20/02/2024)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Chị Thiều Thị T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: A, tổ A, khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

+ Ông Bùi Tường C1, sinh năm 1964

Địa chỉ: Trạm cân 80 tấn, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Anh Đỗ Phát T1, sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ B, khu phố C, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo có mặt; Đại diện bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 03/9/2022, Trần Văn L đi trên đường B, thuộc khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì nhìn thấy các thùng sắt kích thước 01m x 01m x 1,1m (là tài sản của Công ty cổ phần M1 do Đội công trình giao thông quản lý) đang tiến hành thi công nạo vét cát, đất, đá đặt ở trên tuyến đường B, không có người trông coi, nên L nảy sinh ý định trộm cắp đem bán lấy tiền tiêu xài.

Thực hiện ý định trên, L đi tìm thuê xe ô tô để chở đi bán. Khi đi đến khu vực vòng xoay thuộc khu phố C, phường H, thành phố B thì L gặp anh Phạm Thế T2 (sinh năm 1970, ngụ tại khu phố D, phường B, thành phố B) đang cùng anh Đỗ

Phát T1 (sinh năm 1993, ngụ ngụ xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang) điều khiển xe ô tô tải có cần cầu biền số 51C-600.91 từ cửa hàng vật liệu xây dựng đi ra. Lúc này, L đến nói với anh T1 muốn thuê xe ô tô chở mấy thùng rác mang đi đổ. Do có quen biết từ trước với L nên anh T2 đã nói với T1 chở đùm thì anh T1 đồng ý chở. Sau đó, L đưa anh T1 đến đường B, thuộc khu phố B, phường T, thành phố B cầu 04 chiếc thùng sắt lên xe mang đi đổ hết đất, đá bên trong rồi chở đến trạm cân 80T, thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn C2 (địa chỉ tại Khu công nghiệp B, phường A, thành phố B) gặp ông Bùi Tường C1 (sinh năm 1964, ngụ phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau) là nhân viên bảo vệ của Trạm cân 80T. L hỏi bán cho ông C1 04 thùng sắt thì ông C1 gọi điện cho bà Thiều Thị T (sinh năm 1984, ngụ khu phố A, phường L, thành phố B) là chủ trạm và bà T đồng ý mua. Sau khi thỏa thuận giá L đã bán 04 thùng sắt nêu trên cho ông C1 với giá 4.505.000đ (Bốn triệu, năm trăm lẻ năm nghìn đồng). Lược trả 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) tiền thuê xe cho anh T1, số tiền còn lại L tiêu xài cá nhân hết và bỏ trốn.

Sau khi phát hiện mất tài sản, Đội công trình giao thông thuộc Công ty cổ phần M1 đã trình báo công an phường T, thành phố B lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiến hành khởi tố điều tra xử lý. Đến ngày 11/9/2023, L bị bắt theo quyết định truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B.

* Vật chứng vụ án gồm:

- 04 thùng sắt (kích thước 01m x 01m x 1,1m) là tài sản bị trộm cắp, đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B thu hồi và trả lại cho bị hại là Công ty cổ phần M1.

- 01 USB bên trong có chứa đoạn video liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản của Trần Văn L.

* Tại kết luận định giá tài sản số 2274/KL-HĐĐGTS ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 04 thùng sắt trị giá 4.505.000đ (Bốn triệu năm trăm lẻ năm nghìn đồng).

* Về dân sự:

- Đại diện Công ty cổ phần M1 là anh Nguyễn Hải C (sinh năm 1970, ngụ khu phố E, phường T, thành phố B) đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Thiều Thị T không yêu cầu hoàn trả số tiền đã mua 04 thùng sắt nêu trên.

* Đối với hành vi chở thuê 04 thùng sắt của anh Đỗ Phát T1, quá trình điều tra xác định anh T1 không bàn bạc với L về hành vi trộm cắp tài sản, cũng như không biết 04 thùng sắt nêu trên là do L trộm cắp mà có.

* Đối với hành vi của ông **Bùi Tường C1**, bà **Thiều Thị T** là những người mua lại tài sản của **Trần Văn L**: Kết quả điều tra xác định ông **C1** và bà **T** do không biết đây là tài sản do **L** trộm cắp mà có.

Tại bản cáo trạng số 41/CT-VKSBH ngày 05/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố bị cáo **Trần Văn L** về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xử phạt: Bị cáo **Trần Văn L** từ 12 đến 14 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra **Công an thành phố B**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo **Trần Văn L** đã khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 03/9/2022, tại khu vực **đường B, thuộc khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**, **Trần Văn L** đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 04 thùng sắt kích thước 01m x 01m x 1,1m trị giá 4.505.000 đồng (Bốn triệu năm trăm lẻ năm nghìn đồng) là tài sản của **Công ty cổ phần M1**.

[3] Hành vi của bị cáo **Trần Văn L** đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo **Trần Văn L** là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có nhân thân xấu, trước đây đã từng bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản và tội Hiếp dâm nhưng không lấy đó làm bài học mà nay lại tiếp tục phạm tội thể hiện thái độ coi thường pháp luật của bị cáo. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Công ty cổ phần M1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thêm, nên không đặt ra xem xét.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Thiều Thị T không yêu cầu hoàn trả số tiền đã mua 04 thùng sắt, nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Đối với anh Đỗ Phát T1 là người đã chở thuê 04 thùng sắt cho Trần Văn L, quá trình điều tra xác định anh T1 không bàn bạc với L về hành vi trộm cắp tài sản, cũng như không biết 04 thùng sắt nêu trên là do L trộm cắp mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không xử lý đối với anh T1.

[10] Đối với ông Bùi Tường C1 và bà Thiều Thị T là những người mua lại tài sản của Trần Văn L: Kết quả điều tra xác định ông C1 và bà T do không biết đây là tài sản do L trộm cắp mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không xử lý đối với ông C1, bà T.

[11] Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn L 01 (Một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù được tính từ ngày 11/9/2023.

Bị cáo Trần Văn L phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo **Trần Văn L** được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Cơ quan CSĐT CA TP. Biên Hòa;
- Cơ quan THAHS CA TP. Biên Hòa;
- Phòng PV06 CA T. Đồng Nai;
- Nhà Tạm giữ CA TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND phường (xã) nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; Bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Huyền

